TOÁN 6

CHUYÊN ĐỀ 1: TẬP HỢP. SỐ PHẦN TỬ CỦA TẬP HỢP. TẬP HỢP CON

Nguyễn Thị Thanh Lam – Giáo viên Toán

Câu 1. Kí hiệu nào sau đây là kí hiệu " thuộc" ?

A. $\in$. **B.** $\notin$. **C.** $\varnothing$. **D.** $\subset$.

Câu 2. Kí hiệu nào sau đây là kí hiệu " không thuộc"?

A. $\in$. **B.** $\notin$. **C.** $\varnothing$. **D.** $\subset$.

Câu 3. Tên của một tập hợp được kí hiệu bằng:

A. Chữ cái in hoa. **B.** Chữ cái in thường. **C.** Chữ số. **D.** Chữ cái hoặc chữ số.

Câu 4. Tập hợp các chữ cái trong cụm từ " CHĂM CHỈ" là:

A. $E=\{C;A;M;I\}$ **B.** $E=\{C;H;A;M;C;H;I\}$

C. $E=\{C;H;A;I\}$ **D.** $E=\{A;M;I;C;H\}$.

Câu 5. Cách biểu diễn một tập hợp là:

A. Liệt kê. **B.** Chỉ ra tính chất đặc trưng

C. A và B đều đúng. **D.** A và B đều sai.

Câu 6. Cho tập hợp $A=\{1;2;3;4;5;6\}$. Tập hợp A có thể viết cách nào sau đây?

A. $A=\{x\in N \mid x<6\}$ **B.** $A=\{x\in N \mid x\le 6\}$

C. $A=\{x\in N \mid 0<x\le 6\}$ **D.** $A=\{x\in N \mid 0\le x\le 6\}$.

Câu 7. Cho tập hợp $B=\{x\in N \mid x<3\}$. Tập hợp B có thể viết cách nào sau đây?

A. $B=\{0;1;2;3\}$. **B.** $B=\{1;2;3\}$.

C. $B=\{1;2\}$. **D.** $B=\{0;1;2\}$.

Câu 8. Cho tập hợp $F=\{x\in N \mid 0<x\le 99\}$. Tập hợp F có thể viết cách nào sau đây?

A. $F=\{0;1;...;98;99\}$. **B.** $F=\{1;2;...,98;99\}$.

C. $F=\{1;2;...97;98\}$. **D.** $F=\{0;1;...;97;98\}$.

Câu 9. Cho tập hợp $Q=\{26;27;28;29\}$. Tập hợp Q có thể viết cách nào sau đây?

A. $Q=\{x\in N \mid 25\le x<30\}$ **B.** $Q=\{x\in N \mid 26\le x\le 30\}$

C. $Q=\{x\in N \mid 25<x\le 29\}$ **D.** $A=\{x\in N \mid 25<x\le 30\}$

Câu 10. Cho tập hợp $L=\{4;5;6;7;8;9\}$. Tập hợp L có thể viết cách nào sau đây?

A. $L=\{x\in N \mid 3\le x<9\}$. ***B.*** $L=\{x\in N \mid 4\le x\le 9\}$.

C. $L=\{x\in N \mid 3<x\le 10\}$. ***D.*** $L=\{x\in N \mid 4<x\le 9\}$.

Câu 11. Tập hợp số tự nhiên N có bao nhiêu phần tử?

A. 100 phần tử. **B.** 200 phần tử. **C.** Không có phần tử **D.** Vô số phần tử

Câu 12. Tập hợp $\varnothing$ có bao nhiêu phần tử?

A. 100 phần tử. **B.** 200 phần tử. **C.** Không có phần tử **D.** Vô số phần tử

Câu 13. Tập hợp $A=\{x\in N\mid x<11\}$ có bao nhiêu phần tử?

A. 10 phần tử. **B.** 11 phần tử. **C.** 9 phần tử. **D.** 8 phần tử.

Câu 14. Tập hợp $B=\{x\in N^*\mid x<5\}$ có bao nhiêu phần tử?

A. 3 phần tử. **B.** 4 phần tử. **C.** 5 phần tử. **D.** 6 phần tử.

Câu 15. Số phần tử của tập hợp $C=\{x\in N\mid x\vdots 5, x<20\}$ có bao nhiêu phần tử?

A. 3 phần tử. **B.** 4 phần tử. **C.** 5 phần tử. **D.** 6 phần tử.

Câu 16. Cho hai tập hợp $C=\{x\in N\mid x<3\}$ và $D=\{0;1;2;3;4;6\}$. Mối quan hệ nào sau đây là đúng?

A. $C\subset D.$ **B.** $D\subset C.$ **C.** $D=C.$ **D.** $C\in D..$

Câu 17. Cho hai tập hợp $Q=\{x\in N\mid 37\le x<38\}$ và $H=\{37\}$. Mối quan hệ nào sau đây là đúng?

A. $Q\subset H.$ **B.** $H\subset Q.$ **C.** $H=Q.$ **D.** $Q\in H.$

Câu 18. Khẳng định nào sau đây đúng?

A. $\{12\}\in\{x\in N\mid x<15\}$ **B.** $12\in\{x\in N\mid x>15\}$

C. $\varnothing\in\{x\in N\mid x<15\}$ **D.** $\{12\}\subset\{x\in N\mid x<15\}$

Câu 19. Kí hiệu nào sau đây là " chứa"?

A. $\in$ **B.** $\subset$ **C.** $\supset$ **D.** $\not\subset$

Câu 20. Số phần tử của tập hợp các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn hoặc bằng 100 là:

A. 51. **B.** 52. **C.** 100. **D.** 101.

Câu 21. Số phần tử của tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 24 nhỏ hơn 230 là:

A. 207. **B.** 206. **C.** 205. **D.** 204.

Câu 22. Số phần tử của tập hợp số tự nhiên lẻ lớn hơn hoặc bằng 17 nhỏ hơn 119 là:

A. 51. **B.** 52. **C.** 100. **D.** 101.

BẢNG ĐÁP ÁN

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Đ/A	A	B	A	D	C	C	D	B	C	B	D
CÂU	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Đ/A	C	B	B	B	A	C	D	C	A	C	A